CỔNG THÔNG TIN & GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn
Tài liệu được lưu trữ tại Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÒA BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIỂU SỐ 07: BẢNG GIÁ ĐẤT SXKD PHI NÔNG NGHIỆP TẠI NÔNG THÔN - NĂM 2013

(Kèm theo Quyết định số 18/2012/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2012 của UBND tỉnh Hòa Bình)

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất (ĐVT: 1.000đồng)																											
		Nhóm 1				Nhóm 2				Nhóm 3				Nhóm 4				Nhóm 5				Nhóm 6				Nhóm 7			
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
I	**H.Kỳ Sơn**																												
1	**Mông Hóa**																												
	Khu vực 1	1,500	1,200	800	600																								
	Khu vực 2	1,000	800	600	400																								
	Khu vực 3	500	400	300	200																								
2	**Dân Hạ**																												
	Khu vực 1					1,400	1,000	800	600																				
	Khu vực 2					900	700	500	400																				
	Khu vực 3					400	300	250	200																				
3	**Dân Hòa**																												
	Khu vực 1					1,400	1,000	800	600																				
	Khu vực 2					900	700	500	400																				
	Khu vực 3					400	300	250	200																				
4	**Yên Quang**																												
	Khu vực 1									1,200	800	600	500																
	Khu vực 2									800	600	400	300																
	Khu vực 3									350	300	200	150																
5	**Phúc Tiến**																												
	Khu vực 1									1,200	800	600	500																
	Khu vực 2									800	600	400	300																
	Khu vực 3									350	300	200	150																
6	**Hợp Thịnh**																												
	Khu vực 1									1,200	800	600	500																
	Khu vực 2									800	600	400	300																
	Khu vực 3									350	300	200	150																
7	**Hợp Thành**																												
	Khu vực 1													1,000	700	500	400												
	Khu vực 2													500	450	350	200												
	Khu vực 3													300	250	150	120												
8	**Phú Minh**																												
	Khu vực 1													1,000	700	500	400												

CỔNG THÔNG TIN & GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn
Tài liệu được lưu trữ tại Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất (ĐVT: 1.000đồng)																											
		Nhóm 1				Nhóm 2				Nhóm 3				Nhóm 4				Nhóm 5				Nhóm 6				Nhóm 7			
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
	Khu vực 2													500	450	350	200												
	Khu vực 3													300	250	150	120												
9	**Độc Lập**																												
	Khu vực 1																	350	300	200	150								
	Khu vực 2																	250	200	150	100								
	Khu vực 3																	200	150	100	80								
II	**H.Lạc Sơn**																												
1	**Ân Nghĩa**																												
	Khu vực 1	1,100	500	200	100																								
	Khu vực 2	700	300	100	80																								
	Khu vực 3	350	100	80	55																								
2	**Liên Vũ**																												
	Khu vực 1	1,100	500	200	100																								
	Khu vực 2	700	300	100	80																								
	Khu vực 3	350	100	80	55																								
3	**Nhân Nghĩa**																												
	Khu vực 1	1,100	500	200	100																								
	Khu vực 2	700	300	100	80																								
	Khu vực 3	350	100	80	55																								
4	**Thượng Cốc**																												
	Khu vực 1	1,100	500	200	100																								
	Khu vực 2	700	300	100	80																								
	Khu vực 3	350	100	80	55																								
5	**Vũ Lâm**																												
	Khu vực 1	1,100	500	200	100																								
	Khu vực 2	700	300	100	80																								
	Khu vực 3	350	100	80	55																								
6	**Xuất Hóa**																												
	Khu vực 1	1,100	500	200	100																								
	Khu vực 2	700	300	100	80																								
	Khu vực 3	350	100	80	55																								
7	**Yên Nghiệp**																												
	Khu vực 1	1,100	500	200	100																								

CỔNG THÔNG TIN & GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn
Tài liệu được lưu trữ tại Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất (ĐVT: 1.000đồng)																											
		Nhóm 1				Nhóm 2				Nhóm 3				Nhóm 4				Nhóm 5				Nhóm 6				Nhóm 7			
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
	Khu vực 2	700	300	100	80																								
	Khu vực 3	350	100	80	55																								
8	**Hương nhượng**																												
	Khu vực 1					700	250	100	70																				
	Khu vực 2					400	200	80	55																				
	Khu vực 3					250	80	70	45																				
9	**Yên Phú**																												
	Khu vực 1					700	250	100	70																				
	Khu vực 2					400	200	80	55																				
	Khu vực 3					250	80	70	45																				
10	**Văn Nghĩa**																												
	Khu vực 1									500	200	80	60																
	Khu vực 2									350	80	60	50																
	Khu vực 3									250	70	50	40																
11	**Định Cư**																												
	Khu vực 1									500	200	80	60																
	Khu vực 2									350	80	60	50																
	Khu vực 3									250	70	50	40																
12	**Tân Lập**																												
	Khu vực 1									500	200	80	60																
	Khu vực 2									350	80	60	50																
	Khu vực 3									250	70	50	40																
13	**Tân Mỹ**																												
	Khu vực 1									500	200	80	60																
	Khu vực 2									350	80	60	50																
	Khu vực 3									250	70	50	40																
14	**Ngọc Sơn**																												
	Khu vực 1													300	80	60	50												
	Khu vực 2													180	70	50	40												
	Khu vực 3													100	50	40	35												
15	**Phú Lương**																												
	Khu vực 1													300	80	60	50												
	Khu vực 2													180	70	50	40												

CỔNG THÔNG TIN & GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn
Tài liệu được lưu trữ tại Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất (ĐVT: 1.000đồng)																											
		Nhóm 1				Nhóm 2				Nhóm 3				Nhóm 4				Nhóm 5				Nhóm 6				Nhóm 7			
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
	Khu vực 3													100	50	40	35												
16	**Phúc Tuy**																												
	Khu vực 1													300	80	60	50												
	Khu vực 2													180	70	50	40												
	Khu vực 3													100	50	40	35												
17	**Bình Chân**																												
	Khu vực 1																250	80	50	45									
	Khu vực 2																120	60	45	40									
	Khu vực 3																80	45	40	35									
18	**Chí Đạo**																												
	Khu vực 1																	250	80	50	45								
	Khu vực 2																	120	60	45	40								
	Khu vực 3																	80	45	40	35								
19	**Mỹ Thành**																												
	Khu vực 1																	250	80	50	45								
	Khu vực 2																	120	60	45	40								
	Khu vực 3																	80	45	40	35								
20	**Tuân Đạo**																												
	Khu vực 1																	250	80	50	45								
	Khu vực 2																	120	60	45	40								
	Khu vực 3																	80	45	40	35								
21	**Ngọc Lâu**																												
	Khu vực 1																					120	55	40	35				
	Khu vực 2																					80	45	35	35				
	Khu vực 3																					60	40	30	30				
22	**Quý Hòa**																												
	Khu vực 1																					120	55	40	35				
	Khu vực 2																					80	45	35	35				
	Khu vực 3																					60	40	30	30				
23	**Bình Cảng**																												
	Khu vực 1																					120	55	40	35				
	Khu vực 2																					80	45	35	35				
	Khu vực 3																					60	40	30	30				

CỔNG THÔNG TIN & GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn
Tài liệu được lưu trữ tại Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất (ĐVT: 1.000đồng)																											
		Nhóm 1				Nhóm 2				Nhóm 3				Nhóm 4				Nhóm 5				Nhóm 6				Nhóm 7			
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
24	**Chí Thiện**																												
	Khu vực 1																					120	55	40	35				
	Khu vực 2																					80	45	35	35				
	Khu vực 3																					60	40	30	30				
25	**Văn Sơn**																												
	Khu vực 1																					120	55	40	35				
	Khu vực 2																					80	45	35	35				
	Khu vực 3																					60	40	30	30				
26	**Bình Hẻm**																												
	Khu vực 1																									80	50	45	35
	Khu vực 2																									60	40	35	30
	Khu vực 3																									50	35	30	25
27	**Miền Đồi**																												
	Khu vực 1																									80	50	45	35
	Khu vực 2																									60	40	35	30
	Khu vực 3																									50	35	30	25
28	**Tự Do**																												
	Khu vực 1																									80	50	45	35
	Khu vực 2																									60	40	35	30
	Khu vực 3																									50	35	30	25
III	**H. Đà Bắc**																												
1	**Tu Lý**																												
	Khu vực 1	200	150	100	75																								
	Khu vực 2	100	80	75	65																								
	Khu vực 3	80	75	65	55																								
2	**Cao Sơn**																												
	Khu vực 1	200	150	100	75																								
	Khu vực 2	100	80	75	65																								
	Khu vực 3	80	75	65	55																								
3	**Toàn Sơn**																												
	Khu vực 1	200	150	100	75																								
	Khu vực 2	100	80	75	65																								
	Khu vực 3	80	75	65	55																								

CỔNG THÔNG TIN & GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn
Tài liệu được lưu trữ tại Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất (ĐVT: 1.000đồng)																											
		Nhóm 1				Nhóm 2				Nhóm 3				Nhóm 4				Nhóm 5				Nhóm 6				Nhóm 7			
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
4	**Mường chiềng**																												
	Khu vực 1	200	150	100	75																								
	Khu vực 2	100	80	75	65																								
	Khu vực 3	80	75	65	55																								
5	**Hào Lý**																												
	Khu vực 1					70	65	60	55																				
	Khu vực 2					65	60	55	50																				
	Khu vực 3					60	55	50	45																				
6	**Hiền Lương**																												
	Khu vực 1					70	65	60	55																				
	Khu vực 2					65	60	55	50																				
	Khu vực 3					60	55	50	45																				
7	**Tân Minh**																												
	Khu vực 1					70	65	60	55																				
	Khu vực 2					65	60	55	50																				
	Khu vực 3					60	55	50	45																				
8	**Tân Pheo**																												
	Khu vực 1					70	65	60	55																				
	Khu vực 2					65	60	55	50																				
	Khu vực 3					60	55	50	45																				
9	**Giáp Đắt**																												
	Khu vực 1					70	65	60	55																				
	Khu vực 2					65	60	55	50																				
	Khu vực 3					60	55	50	45																				
10	**Yên Hòa**																												
	Khu vực 1									60	55	50	45																
	Khu vực 2									55	50	45	35																
	Khu vực 3									50	40	35	30																
11	**Đoàn Kết**																												
	Khu vực 1									60	55	50	45																
	Khu vực 2									55	50	45	35																
	Khu vực 3									50	40	35	30																
12	**Đồng Chum**																												

CỔNG THÔNG TIN & GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn
Tài liệu được lưu trữ tại Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất (ĐVT: 1.000đồng)																											
		Nhóm 1				Nhóm 2				Nhóm 3				Nhóm 4				Nhóm 5				Nhóm 6				Nhóm 7			
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
	Khu vực 1									60	55	50	45																
	Khu vực 2									55	50	45	35																
	Khu vực 3									50	40	35	30																
13	**Trung Thành**																												
	Khu vực 1									60	55	50	45																
	Khu vực 2									55	50	45	35																
	Khu vực 3									50	40	35	30																
14	**Đồng Nghê**																												
	Khu vực 1													50	40	35	30												
	Khu vực 2													35	30	25	20												
	Khu vực 3													30	25	20	15												
15	**Mường Tuổng**																												
	Khu vực 1													50	40	35	30												
	Khu vực 2													35	30	25	20												
	Khu vực 3													30	25	20	15												
16	**Suối Nánh**																												
	Khu vực 1													50	40	35	30												
	Khu vực 2													35	30	25	20												
	Khu vực 3													30	25	20	15												
17	**Đồng Ruộng**																												
	Khu vực 1													50	40	35	30												
	Khu vực 2													35	30	25	20												
	Khu vực 3													30	25	20	15												
18	**Tiền Phong**																												
	Khu vực 1													50	40	35	30												
	Khu vực 2													35	30	25	20												
	Khu vực 3													30	25	20	15												
19	**Vầy Nưa**																												
	Khu vực 1													50	40	35	30												
	Khu vực 2													35	30	25	20												
	Khu vực 3													30	25	20	15												
IV	**H. Tân Lạc**																												
1	**Quy Hậu**																												

CỔNG THÔNG TIN & GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn
Tài liệu được lưu trữ tại Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất (ĐVT: 1.000đồng)																											
		Nhóm 1				Nhóm 2				Nhóm 3				Nhóm 4				Nhóm 5				Nhóm 6				Nhóm 7			
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
	Khu vực 1	550	450	350	200																								
	Khu vực 2	300	250	200	100																								
	Khu vực 3	150	120	100	55																								
2	**Mãn Đức**																												
	Khu vực 1	550	450	350	200																								
	Khu vực 2	300	250	200	100																								
	Khu vực 3	150	120	100	55																								
3	**Tử Nê**																												
	Khu vực 1	550	450	350	200																								
	Khu vực 2	300	250	200	100																								
	Khu vực 3	150	120	100	55																								
4	**Phong Phú**																												
	Khu vực 1	550	450	350	200																								
	Khu vực 2	300	250	200	100																								
	Khu vực 3	150	120	100	55																								
5	**Thanh Hối**																												
	Khu vực 1					400	350	300	150																				
	Khu vực 2					250	200	150	80																				
	Khu vực 3					120	100	80	50																				
6	**Đông Lai**																												
	Khu vực 1					400	350	300	150																				
	Khu vực 2					250	200	150	80																				
	Khu vực 3					120	100	80	50																				
7	**Ngọc Mỹ**																												
	Khu vực 1					400	350	300	150																				
	Khu vực 2					250	200	150	80																				
	Khu vực 3					120	100	80	50																				
8	**Tuân Lộ**																												
	Khu vực 1					400	350	300	150																				
	Khu vực 2					250	200	150	80																				
	Khu vực 3					120	100	80	50																				
9	**Phú Cường**																												
	Khu vực 1					400	350	300	150																				

CỔNG THÔNG TIN & GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn
Tài liệu được lưu trữ tại Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất (ĐVT: 1.000đồng)																											
		Nhóm 1				Nhóm 2				Nhóm 3				Nhóm 4				Nhóm 5				Nhóm 6				Nhóm 7			
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
	Khu vực 2					250	200	150	80																				
	Khu vực 3					120	100	80	50																				
10	**Quy Mỹ**																												
	Khu vực 1									180	150	120	65																
	Khu vực 2									120	100	80	50																
	Khu vực 3									60	55	45	40																
11	**Địch Giáo**																												
	Khu vực 1									180	150	120	65																
	Khu vực 2									120	100	80	50																
	Khu vực 3									60	55	45	40																
12	**Mỹ Hòa**																												
	Khu vực 1									180	150	120	65																
	Khu vực 2									120	100	80	50																
	Khu vực 3									60	55	45	40																
13	**Do Nhân**																												
	Khu vực 1													120	90	70	50												
	Khu vực 2													60	50	45	40												
	Khu vực 3													50	45	40	35												
14	**Lỗ Sơn**																												
	Khu vực 1													120	90	70	50												
	Khu vực 2													60	50	45	40												
	Khu vực 3													50	45	40	35												
15	**Gia Mô**																												
	Khu vực 1													120	90	70	50												
	Khu vực 2													60	50	45	40												
	Khu vực 3													50	45	40	35												
16	**Trung Hòa**																												
	Khu vực 1													120	90	70	50												
	Khu vực 2													60	50	45	40												
	Khu vực 3													50	45	40	35												
17	**Lũng Vân**																												
	Khu vực 1													120	90	70	50												
	Khu vực 2													60	50	45	40												

CỔNG THÔNG TIN & GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn
Tài liệu được lưu trữ tại Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất (ĐVT: 1.000đồng)																											
		Nhóm 1				Nhóm 2				Nhóm 3				Nhóm 4				Nhóm 5				Nhóm 6				Nhóm 7			
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
	Khu vực 3													50	45	40	35												
18	**Quyết Chiến**																												
	Khu vực 1																	50	45	40	35								
	Khu vực 2																	45	40	35	30								
	Khu vực 3																	40	35	30	25								
19	**Phú Vinh**																												
	Khu vực 1																	50	45	40	35								
	Khu vực 2																	45	40	35	30								
	Khu vực 3																	40	35	30	25								
20	**Ngổ Luông**																												
	Khu vực 1																	50	45	40	35								
	Khu vực 2																	45	40	35	30								
	Khu vực 3																	40	35	30	25								
21	**Bắc Sơn**																												
	Khu vực 1																	50	45	40	35								
	Khu vực 2																	45	40	35	30								
	Khu vực 3																	40	35	30	25								
22	**Nam Sơn**																												
	Khu vực 1																	50	45	40	35								
	Khu vực 2																	45	40	35	30								
	Khu vực 3																	40	35	30	25								
23	**Ngòi Hoa**																												
	Khu vực 1																	50	45	40	35								
	Khu vực 2																	45	40	35	30								
	Khu vực 3																	40	35	30	25								
V	**H.Cao Phong**																												
1	**Tây Phong**																												
	Khu vực 1	500	350	300	200																								
	Khu vực 2	300	250	200	150																								
	Khu vực 3	250	200	150	100																								
2	**Nam Phong**																												
	Khu vực 1	500	350	300	200																								

CỔNG THÔNG TIN & GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn
Tài liệu được lưu trữ tại Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất (ĐVT: 1.000đồng)																											
		Nhóm 1				Nhóm 2				Nhóm 3				Nhóm 4				Nhóm 5				Nhóm 6				Nhóm 7			
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
	Khu vực 2	300	250	200	150																								
	Khu vực 3	250	200	150	100																								
3	**Thu Phong**																												
	Khu vực 1	500	350	300	200																								
	Khu vực 2	300	250	200	150																								
	Khu vực 3	250	200	150	100																								
4	**Dũng Phong**																												
	Khu vực 1					200	160	120	100																				
	Khu vực 2					120	100	80	60																				
	Khu vực 3					80	70	60	50																				
5	**Bắc Phong**																												
	Khu vực 1					200	160	120	100																				
	Khu vực 2					120	100	80	60																				
	Khu vực 3					80	70	60	50																				
6	**Tân Phong**																												
	Khu vực 1									100	85	65	45																
	Khu vực 2									80	70	60	50																
	Khu vực 3									70	60	50	40																
7	**Bình Thanh**																												
	Khu vực 1					200	160	120	100																				
	Khu vực 2					120	100	80	60																				
	Khu vực 3					80	70	60	50																				
8	**Đông Phong**																												
	Khu vực 1									100	85	65	45																
	Khu vực 2									80	70	60	50																
	Khu vực 3									70	60	50	40																
9	**Thung Nai**																												
	Khu vực 1					200	160	120	100																				
	Khu vực 2					120	100	80	60																				
	Khu vực 3					80	70	60	50																				
10	**Xuân Phong**																												
	Khu vực 1									100	85	65	45																

CỔNG THÔNG TIN & GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn
Tài liệu được lưu trữ tại Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất (ĐVT: 1.000đồng)																											
		Nhóm 1				Nhóm 2				Nhóm 3				Nhóm 4				Nhóm 5				Nhóm 6				Nhóm 7			
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
	Khu vực 2									80	70	60	50																
	Khu vực 3									70	60	50	40																
11	**Yên Thượng**																												
	Khu vực 1													65	60	55	40												
	Khu vực 2													60	50	40	30												
	Khu vực 3													50	45	40	35												
12	**Yên Lập**																												
	Khu vực 1													65	60	55	40												
	Khu vực 2													60	50	40	30												
	Khu vực 3													50	45	40	35												
VI	**LƯƠNG SƠN**																												
1	**Hòa Sơn**																												
	Khu vực 1	1,570	1,400	1,200	600																								
	Khu vực 2	1,400	1,200	600	400																								
	Khu vực 3	1,100	900	500	300																								
2	**Nhuận Trạch**																												
	Khu vực 1	1,570	1,400	1,200	600																								
	Khu vực 2	1,400	1,200	600	400																								
	Khu vực 3	1,100	900	500	300																								
3	**Tân Vinh**																												
	Khu vực 1					1,400	1,200	600	400																				
	Khu vực 2					1,100	900	500	300																				
	Khu vực 3					900	700	400	250																				
4	**Lâm Sơn**																												
	Khu vực 1					1,400	1,200	600	400																				
	Khu vực 2					1,100	900	500	300																				
	Khu vực 3					900	700	400	250																				
5	**Thành Lập**																												
	Khu vực 1					1,400	1,200	600	400																				
	Khu vực 2					1,100	900	500	300																				
	Khu vực 3					900	700	400	250																				
6	**Trung Sơn**																												

CỔNG THÔNG TIN & GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn
Tài liệu được lưu trữ tại Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất (ĐVT: 1.000đồng)																											
		Nhóm 1				Nhóm 2				Nhóm 3				Nhóm 4				Nhóm 5				Nhóm 6				Nhóm 7			
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
	Khu vực 1									1,200	840	480	360																
	Khu vực 2									960	600	360	240																
	Khu vực 3									600	420	300	120																
7	**Cao Thắng**																												
	Khu vực 1									1,200	840	480	360																
	Khu vực 2									960	600	360	240																
	Khu vực 3									600	420	300	120																
8	**Cao Dương**																												
	Khu vực 1									1,200	840	480	360																
	Khu vực 2									960	600	360	240																
	Khu vực 3									600	420	300	120																
9	**Hợp Thanh**																												
	Khu vực 1													600	400	300	250												
	Khu vực 2													400	300	250	200												
	Khu vực 3													300	250	200	100												
10	**Thanh Lương**																												
	Khu vực 1													600	400	300	250												
	Khu vực 2													400	300	250	200												
	Khu vực 3													300	250	200	100												
11	**Tân Thành**																												
	Khu vực 1													600	400	300	250												
	Khu vực 2													400	300	250	200												
	Khu vực 3													300	250	200	100												
12	**Cư Yên**																												
	Khu vực 1													600	400	300	250												
	Khu vực 2													400	300	250	200												
	Khu vực 3													300	250	200	100												
13	**Liên Sơn**																												
	Khu vực 1													600	400	300	250												
	Khu vực 2													400	300	250	200												
	Khu vực 3													300	250	200	100												
14	**Long Sơn**																												
	Khu vực 1													600	400	300	250												

CỔNG THÔNG TIN & GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn
Tài liệu được lưu trữ tại Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất (ĐVT: 1.000đồng)																											
		Nhóm 1				Nhóm 2				Nhóm 3				Nhóm 4				Nhóm 5				Nhóm 6				Nhóm 7			
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
	Khu vực 2													400	300	250	200												
	Khu vực 3													300	250	200	100												
15	**Hợp Hòa**																												
	Khu vực 1																	250	150	90	70								
	Khu vực 2																	160	110	70	60								
	Khu vực 3																	120	90	60	50								
16	**Trường Sơn**																												
	Khu vực 1																	250	150	90	70								
	Khu vực 2																	160	110	70	60								
	Khu vực 3																	120	90	60	50								
17	**Tiến Sơn**																												
	Khu vực 1																	250	150	90	70								
	Khu vực 2																	160	110	70	60								
	Khu vực 3																	120	90	60	50								
18	**Cao Răm**																												
	Khu vực 1																					90	80	60	50				
	Khu vực 2																					80	70	50	40				
	Khu vực 3																					70	50	40	30				
19	**Hợp Châu**																												
	Khu vực 1																					90	80	60	50				
	Khu vực 2																					80	70	50	40				
	Khu vực 3																					70	50	40	30				
VII	**H.Mai Châu**																												
1	**Chiềng Châu**																												
	Khu vực 1	500	400	250	150																								
	Khu vực 2	150	100	80	60																								
	Khu vực 3	65	60	50	45																								
2	**Tòng Đậu**																												
	Khu vực 1	500	400	250	150																								
	Khu vực 2	150	100	80	60																								
	Khu vực 3	65	60	50	45																								
3	**Vạn Mai**																												

CỔNG THÔNG TIN & GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn
Tài liệu được lưu trữ tại Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất (ĐVT: 1.000đồng)																											
		Nhóm 1				Nhóm 2				Nhóm 3				Nhóm 4				Nhóm 5				Nhóm 6				Nhóm 7			
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
	Khu vực 1	500	400	250	150																								
	Khu vực 2	150	100	80	60																								
	Khu vực 3	65	60	50	45																								
4	**Đồng Bảng**																												
	Khu vực 1	500	400	250	150																								
	Khu vực 2	150	100	80	60																								
	Khu vực 3	65	60	50	45																								
5	**Mai Hạ**																												
	Khu vực 1					200	150	90	80																				
	Khu vực 2					80	70	55	50																				
	Khu vực 3					55	50	45	40																				
6	**Bao La**																												
	Khu vực 1					200	150	90	80																				
	Khu vực 2					80	70	55	50																				
	Khu vực 3					55	50	45	40																				
7	**Xăm Khòe**																												
	Khu vực 1					200	150	90	80																				
	Khu vực 2					80	70	55	50																				
	Khu vực 3					55	50	45	40																				
8	**Tân Sơn**																												
	Khu vực 1					200	150	90	80																				
	Khu vực 2					80	70	55	50																				
	Khu vực 3					55	50	45	40																				
9	**Mai Hịch**																												
	Khu vực 1									80	70	60	55																
	Khu vực 2									60	50	40	35																
	Khu vực 3									45	40	35	30																
10	**Nà Phòn**																												
	Khu vực 1									80	70	60	55																
	Khu vực 2									60	50	40	35																
	Khu vực 3									45	40	35	30																
11	**Piềng Vế**																												
	Khu vực 1									80	70	60	55																

CỔNG THÔNG TIN & GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn
Tài liệu được lưu trữ tại Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất (ĐVT: 1.000đồng)																											
		Nhóm 1				Nhóm 2				Nhóm 3				Nhóm 4				Nhóm 5				Nhóm 6				Nhóm 7			
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
	Khu vực 2									60	50	40	35																
	Khu vực 3									45	40	35	30																
12	**Pà Cò**																												
	Khu vực 1									80	70	60	55																
	Khu vực 2									60	50	40	35																
	Khu vực 3									45	40	35	30																
13	**Phúc Sạn**																												
	Khu vực 1									80	70	60	55																
	Khu vực 2									60	50	40	35																
	Khu vực 3									45	40	35	30																
14	**Nà Mèo**																												
	Khu vực 1													60	50	45	35												
	Khu vực 2													45	40	35	30												
	Khu vực 3													40	35	30	25												
15	**Ba Khan**																												
	Khu vực 1													60	50	45	35												
	Khu vực 2													45	40	35	30												
	Khu vực 3													40	35	30	25												
16	**Thung Khe**																												
	Khu vực 1													60	50	45	35												
	Khu vực 2													45	40	35	30												
	Khu vực 3													40	35	30	25												
17	**Cun Pheo**																												
	Khu vực 1													60	50	45	35												
	Khu vực 2													45	40	35	30												
	Khu vực 3													40	35	30	25												
18	**Hang Kia**																												
	Khu vực 1													60	50	45	35												
	Khu vực 2													45	40	35	30												
	Khu vực 3													40	35	30	25												
19	**Tân Mai**																												
	Khu vực 1													60	50	45	35												
	Khu vực 2													45	40	35	30												

CỔNG THÔNG TIN & GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn
Tài liệu được lưu trữ tại Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất (ĐVT: 1.000đồng)																											
		Nhóm 1				Nhóm 2				Nhóm 3				Nhóm 4				Nhóm 5				Nhóm 6				Nhóm 7			
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
	Khu vực 3													40	35	30	25												
20	**Tân Dân**																												
	Khu vực 1													60	50	45	35												
	Khu vực 2													45	40	35	30												
	Khu vực 3													40	35	30	25												
21	**Pù Bin**																												
	Khu vực 1													60	50	45	35												
	Khu vực 2													45	40	35	30												
	Khu vực 3													40	35	30	25												
22	**Noong Luông**																												
	Khu vực 1													60	50	45	35												
	Khu vực 2													45	40	35	30												
	Khu vực 3													40	35	30	25												
VIII	**H. Lạc Thủy**																												
1	**Thanh Nông**																												
	Khu vực 1	700	450	400	350																								
	Khu vực 2	300	250	200	150																								
	Khu vực 3	180	150	120	100																								
2	**Phú Thành**																												
	Khu vực 1	700	450	400	350																								
	Khu vực 2	300	250	200	150																								
	Khu vực 3	180	150	120	100																								
3	**Phú Lão**																												
	Khu vực 1	700	450	400	350																								
	Khu vực 2	300	250	200	150																								
	Khu vực 3	180	150	120	100																								
4	**Đồng Tâm**																												
	Khu vực 1	700	450	400	350																								
	Khu vực 2	300	250	200	150																								
	Khu vực 3	180	150	120	100																								
5	**Khoan Dụ**																												
	Khu vực 1					500	450	350	250																				
	Khu vực 2					250	200	150	100																				

CỔNG THÔNG TIN & GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn
Tài liệu được lưu trữ tại Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất (ĐVT: 1.000đồng)																											
		Nhóm 1				Nhóm 2				Nhóm 3				Nhóm 4				Nhóm 5				Nhóm 6				Nhóm 7			
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
	Khu vực 3					100	80	70	60																				
6	**Cố Nghĩa**																												
	Khu vực 1	700	450	400	350																								
	Khu vực 2	300	250	200	150																								
	Khu vực 3	180	150	120	100																								
7	**Lạc Long**																												
	Khu vực 1									400	300	250	150																
	Khu vực 2									150	120	100	75																
	Khu vực 3									75	65	55	50																
8	**Yên Bồng**																												
	Khu vực 1													300	250	200	150												
	Khu vực 2													150	100	90	70												
	Khu vực 3													70	60	50	45												
9	**An Bình**																												
	Khu vực 1													300	250	200	150												
	Khu vực 2													150	100	90	70												
	Khu vực 3													70	60	50	45												
10	**Hưng Thi**																												
	Khu vực 1													300	250	200	150												
	Khu vực 2													150	100	90	70												
	Khu vực 3													70	60	50	45												
11	**Liên Hòa**																												
	Khu vực 1													300	250	200	150												
	Khu vực 2													150	100	90	70												
	Khu vực 3													70	60	50	45												
12	**An Lạc**																												
	Khu vực 1																	150	120	100	70								
	Khu vực 2																	100	80	65	60								
	Khu vực 3																	60	55	50	35								
13	**Đồng Môn**																												
	Khu vực 1																	150	120	100	70								
	Khu vực 2																	100	80	65	60								
	Khu vực 3																	60	55	50	35								

CỔNG THÔNG TIN & GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn
Tài liệu được lưu trữ tại Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất (ĐVT: 1.000đồng)																											
		Nhóm 1				Nhóm 2				Nhóm 3				Nhóm 4				Nhóm 5				Nhóm 6				Nhóm 7			
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
IX	**H.Kim Bôi**																												
1	**Hạ Bì**																												
	Khu vực 1	1,550	1,300	870	450																								
	Khu vực 2	1,400	1,050	480	320																								
	Khu vực 3	360	220	130	90																								
2	**Kim Bình**																												
	Khu vực 1	1,550	1,300	870	450																								
	Khu vực 2	1,400	1,050	480	320																								
	Khu vực 3	360	220	130	90																								
3	**Tú Sơn**																												
	Khu vực 1					1,400	650	450	250																				
	Khu vực 2					1,200	500	250	180																				
	Khu vực 3					120	80	70	60																				
4	**Vĩnh Tiến**																												
	Khu vực 1									1,000	500	250	150																
	Khu vực 2									500	250	200	100																
	Khu vực 3									80	70	60	55																
5	**Nam Thượng**																												
	Khu vực 1									1,000	500	250	150																
	Khu vực 2									500	250	200	100																
	Khu vực 3									80	70	60	55																
6	**Vĩnh Đồng**																												
	Khu vực 1									1,000	500	250	150																
	Khu vực 2									500	250	200	100																
	Khu vực 3									80	70	60	55																
7	**Đông Bắc**																												
	Khu vực 1									1,000	500	250	150																
	Khu vực 2									500	250	200	100																
	Khu vực 3									80	70	60	55																
8	**Mỵ Hòa**																												
	Khu vực 1													550	250	200	100												
	Khu vực 2													250	150	70	55												
	Khu vực 3													70	60	55	50												

CỔNG THÔNG TIN & GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn
Tài liệu được lưu trữ tại Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất (ĐVT: 1.000đồng)																											
		Nhóm 1				Nhóm 2				Nhóm 3				Nhóm 4				Nhóm 5				Nhóm 6				Nhóm 7			
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
9	**Hợp Kim**																												
	Khu vực 1													550	250	200	100												
	Khu vực 2													250	150	70	55												
	Khu vực 3													70	60	55	50												
10	**Sào Báy**																												
	Khu vực 1																	450	200	120	80								
	Khu vực 2																	100	60	55	50								
	Khu vực 3																	60	55	50	45								
11	**Kim Bôi**																												
	Khu vực 1																	450	200	120	80								
	Khu vực 2																	100	60	55	50								
	Khu vực 3																	60	55	50	45								
12	**Bình Sơn**																												
	Khu vực 1																	450	200	120	80								
	Khu vực 2																	100	60	55	50								
	Khu vực 3																	60	55	50	45								
13	**Kim Tiến**																												
	Khu vực 1																	450	200	120	80								
	Khu vực 2																	100	60	55	50								
	Khu vực 3																	60	55	50	45								
14	**Kim Sơn**																												
	Khu vực 1																					80	60	55	50				
	Khu vực 2																					65	55	50	45				
	Khu vực 3																					55	50	45	40				
15	**Cuối Hạ**																												
	Khu vực 1																					80	60	55	50				
	Khu vực 2																					65	55	50	45				
	Khu vực 3																					55	50	45	40				
16	**Bắc Sơn**																												
	Khu vực 1																					80	60	55	50				
	Khu vực 2																					65	55	50	45				
	Khu vực 3																					55	50	45	40				
17	**Sơn Thủy**																												

CỔNG THÔNG TIN & GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn
Tài liệu được lưu trữ tại Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất (ĐVT: 1.000đồng)																											
		Nhóm 1				Nhóm 2				Nhóm 3				Nhóm 4				Nhóm 5				Nhóm 6				Nhóm 7			
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
	Khu vực 1																					80	60	55	50				
	Khu vực 2																					65	55	50	45				
	Khu vực 3																					55	50	45	40				
18	**Đú Sáng**																												
	Khu vực 1																									65	55	50	45
	Khu vực 2																									55	50	45	40
	Khu vực 3																									50	45	40	35
19	**Nật Sơn**																												
	Khu vực 1																									65	55	50	45
	Khu vực 2																									55	50	45	40
	Khu vực 3																									50	45	40	35
20	**Hùng Tiến**																												
	Khu vực 1																									65	55	50	45
	Khu vực 2																									55	50	45	40
	Khu vực 3																									50	45	40	35
21	**Hợp Đồng**																												
	Khu vực 1																									65	55	50	45
	Khu vực 2																									55	50	45	40
	Khu vực 3																									50	45	40	35
22	**Thượng Tiến**																												
	Khu vực 1																									65	55	50	45
	Khu vực 2																									55	50	45	40
	Khu vực 3																									50	45	40	35
23	**Trung Bì**																												
	Khu vực 1																									65	55	50	45
	Khu vực 2																									55	50	45	40
	Khu vực 3																									50	45	40	35
24	**Thượng Bì**																												
	Khu vực 1																									65	55	50	45
	Khu vực 2																									55	50	45	40
	Khu vực 3																									50	45	40	35
25	**Kim Truy**																												
	Khu vực 1																									65	55	50	45

CỔNG THÔNG TIN & GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn
Tài liệu được lưu trữ tại Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất (ĐVT: 1.000đồng)																											
		Nhóm 1				Nhóm 2				Nhóm 3				Nhóm 4				Nhóm 5				Nhóm 6				Nhóm 7			
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
	Khu vực 2																									55	50	45	40
	Khu vực 3																									50	45	40	35
26	**Lập Chiệng**																												
	Khu vực 1																									65	55	50	45
	Khu vực 2																									55	50	45	40
	Khu vực 3																									50	45	40	35
27	**Nuông Dăm**																												
	Khu vực 1																									65	55	50	45
	Khu vực 2																									55	50	45	40
	Khu vực 3																									50	45	40	35
X	**H.Yên Thủy**																												
1	**Yên Lạc**																												
	Khu vực 1	1,000	700	300	200																								
	Khu vực 2	700	300	200	150																								
	Khu vực 3	100	95	90	85																								
2	**Lạc Thịnh**																												
	Khu vực 1					700	500	200	150																				
	Khu vực 2					400	200	150	100																				
	Khu vực 3					95	90	85	80																				
3	**Ngọc Lương**																												
	Khu vực 1									500	300	150	100																
	Khu vực 2									250	150	100	95																
	Khu vực 3									90	85	80	75																
4	**Yên Trị**																												
	Khu vực 1									500	300	150	100																
	Khu vực 2									250	150	100	95																
	Khu vực 3									90	85	80	75																
5	**Bảo Hiệu**																												
	Khu vực 1									500	300	150	100																
	Khu vực 2									250	150	100	95																
	Khu vực 3									90	85	80	75																
6	**Phú Lai**																												
	Khu vực 1									500	300	150	100																

CỔNG THÔNG TIN & GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn
Tài liệu được lưu trữ tại Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất (ĐVT: 1.000đồng)																											
		Nhóm 1				Nhóm 2				Nhóm 3				Nhóm 4				Nhóm 5				Nhóm 6				Nhóm 7			
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
	Khu vực 2									250	150	100	95																
	Khu vực 3									90	85	80	75																
7	**Đa Phúc**																												
	Khu vực 1																	100	95	90	85								
	Khu vực 2																	95	90	85	80								
	Khu vực 3																	75	70	65	60								
8	**Lạc Hưng**																												
	Khu vực 1													300	150	100	95												
	Khu vực 2													150	100	95	90												
	Khu vực 3													85	80	75	70												
9	**Đoàn Kết**																												
	Khu vực 1																	100	95	90	85								
	Khu vực 2																	95	90	85	80								
	Khu vực 3																	75	70	65	60								
10	**Lạc Lương**																												
	Khu vực 1																	100	95	90	85								
	Khu vực 2																	95	90	85	80								
	Khu vực 3																	75	70	65	60								
11	**Lạc Sỹ**																												
	Khu vực 1																					90	85	80	75				
	Khu vực 2																					85	80	75	70				
	Khu vực 3																					70	65	60	55				
12	**Hữu Lợi**																												
	Khu vực 1																					90	85	80	75				
	Khu vực 2																					85	80	75	70				
	Khu vực 3																					70	65	60	55				
XI	**TP Hòa Bình**																												
1	**Sủ ngòi**																												
a	**Đất khu vực nông thôn**																												
	Khu vực 1	1,000	800	600	400																								
	Khu vực 2	500	400	350	300																								
	Khu vực 3	250	200	150	100																								
b	**Đất ven nội thành**																												

CỔNG THÔNG TIN & GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn
Tài liệu được lưu trữ tại Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất (ĐVT: 1.000đồng)																											
		Nhóm 1				Nhóm 2				Nhóm 3				Nhóm 4				Nhóm 5				Nhóm 6				Nhóm 7			
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
	Đất dân cư tại các đường có mặt đường rộng trên 2,5m; Các lô đất có mặt tiếp giáp với đê Quỳnh Lâm từ cổng số 6 đến phường Đồng Tiến.	1,400	1,200	900	560																								
	Đất khu dân cư c có mặt đường rộng dưới 2,5m.	700	560	460	300																								
2	**Dân Chủ**																												
a	**Đất khu vực nông thôn**																												
	Khu vực 1					1,000	800	600	300																				
	Khu vực 2					550	400	300	200																				
	Khu vực 3					200	150	120	100																				

CỔNG THÔNG TIN & GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn
Tài liệu được lưu trữ tại Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất (ĐVT: 1.000đồng)																											
		Nhóm 1				Nhóm 2				Nhóm 3				Nhóm 4				Nhóm 5				Nhóm 6				Nhóm 7			
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
b	**Đất ven nội thành**																												
	Các khu đất tiếp giáp đường Lý Thường Kiệt					2,500	2,000	1,600	1,000																				
	Các khu đất tiếp giáp đường Võ Thị Sáu					1,800	1,400	1,200	700																				
	Đ□ờng Phan Đình Giót					550	400	300	200																				
3	**Hoà Bình**																												
	Khu vực 1									450	350	250	150																
	Khu vực 2									200	160	140	100																
	Khu vực 3									140	120	100	80																
4	**Trung Minh**																												
	Khu vực 1									2,000	1,600	1,300	1,000																
	Khu vực 2									1,300	1,000	800	600																
	Khu vực 3									350	300	200	100																
5	**Thống Nhất**																												
a	**Đất khu vực nông thôn**																												
	Khu vực 1													700	500	300	250												
	Khu vực 2													450	350	200	100												
	Khu vực 3													200	150	100	80												
b	**Đất ven nội thành**																												
	Các khu đất tiếp giáp đường Lý Thường Kiệt													2,500	2,000	1,600	1,000												
	Các khu đất dân cư chân cầu Mát													700	600	500	300												
6	**Thái Thịnh**																												
a	**Đất khu vực nông thôn**																												
	Khu vực 1																	350	300	200	120								
	Khu vực 2																	150	100	80	50								
	Khu vực 3																	60	50	45	40								
b	**Đất ven nội thành**																												
	Đ□ờng Âu Cơ																	350	300	200	120								
7	**Yên Mông**																												
	Khu vực 1																	350	300	200	120								
	Khu vực 2																	150	100	80	50								
	Khu vực 3																	60	50	45	40								

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH